

Bản án số: 63/2023/HS-ST
Ngày: 23-3-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Lợi;
- Ông Huỳnh Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Trung Thế – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 3 năm 2023 đến ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Thành L, sinh năm 1984, tại tỉnh Cà Mau; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Cò ghe; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1952, bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1980, bị cáo chưa có con; anh chị em ruột gồm 04 người kể cả bị cáo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 15/8/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trương Thanh L (tên gọi khác: Lâm C), sinh năm 1985, tại tỉnh Sóc Trăng; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Khóm 9, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Phục vụ quán ăn; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trương Văn M, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Lê Thị Xuân M, sinh năm 1950 (đã chết), bị cáo chưa có vợ và con; anh chị em ruột: Không.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 2009, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 77/2009/HSST ngày 17/8/2009, đến ngày 28/02/2013 chấp hành xong.

Ngày 08/10/2014, Tòa án nhân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án số 108/2014/HSST. Ngày 19/12/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 108/2014/HSST ngày 08/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xử phạt Lâm 09 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án số 222/2014/HSPT, đến ngày 26/12/2021 chấp hành án xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/8/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Chí T, sinh năm 2001, tại tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, bị cáo chưa có vợ và con; anh chị em ruột: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/8/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Huỳnh Tuyền P, sinh năm 1985, tại tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Lạc H, sinh năm 1952 và bà Phan Thị T, sinh năm 1952, bị cáo chưa có vợ và con; anh chị em ruột gồm 08 (tám) người kể cả bị cáo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Ông Lý Hoài T, sinh năm 2002 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

- Ông Lê Việt K, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2021, Lý Hoài T nhiều lần vay tiền của Phạm Thành L nhưng chưa trả hết mà bỏ trốn đến huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Qua các mối quan hệ, L biết được Nguyễn Chí T, Lợi nhờ T thấy T ở đâu thì báo cho L biết để cho L đến bắt T trả nợ, L sẽ trả tiền công cho T số tiền 5.000.000 đồng thì T đồng ý. Đầu tháng 8/2022, T phát hiện T làm chung công ty N tại khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và báo cho L biết thời gian T tan ca làm là khoảng 16 giờ 30 phút. Tối ngày 11/8/2022, L gọi điện thoại nói T là trưa ngày 12/8/2022 sẽ đến đón T để chỉ chỗ của T cho L bắt T.

Ngày 11/8/2022, Lợi gọi điện thoại cho Đỗ Mộng T để thuê xe ô tô 07 chỗ để đưa ngư phủ đến tỉnh Bến Tre đi làm. Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 11/8/2022, Nguyễn Hoài H là tài xế lái thuê cho T điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Fotuner biển số 69A-029.69 đến khu vui chơi B thuộc khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau chở L và 06 người ngư phủ đến cảng T thuộc xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre làm việc. Tại đây, L gặp Trương Thanh L, L xin quá giang xe về Cà Mau. L nói L lên xe và nói H chở lên Củ Chi đi công việc. H gọi cho T nói L thuê chở đi huyện Củ Chi, T đồng ý, còn tiền H không biết do L sẽ làm việc với T, H chỉ lái xe thuê. Trên đường đi, L rủ L lên Củ Chi bắt T do T thiếu tiền của L và sẽ trả công cho L (chưa rõ số tiền) thì L đồng ý. Lúc L và L nói chuyện thì H không nghe.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/8/2022, L rước T tại ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. T chỉ đường cho H điều khiển xe đến trước công ty N thuộc khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, T chỉ cho L biết T đang ngồi trên xe mô tô trước công ty N. Lúc này, T đang đợi để đón chị Nguyễn Mộng C và Đào Minh L đi làm về. L xuống xe ô tô và dùng tay phải nắm tay trái T để đưa T lên xe ô tô nhưng T dùng tay bám vào xe mô tô, không chịu đi, thấy vậy L xuống xe và dùng tay trái nắm vai áo T, L và L không chế đưa T lên xe ô tô có sự chứng kiến của chị C và anh L. Khi đưa T lên xe, T ngồi vị trí ghế phụ gần ghế tài xế, L, L và T ngồi ở hàng ghế giữa, T ngồi ở giữa, L và L ngồi hai bên. Khi lên xe, T không chống cự nữa nên H không biết việc L bắt T. L kêu H điều khiển xe ô tô chạy hướng ra cầu vượt Củ Chi đến trước cửa hàng điện thoại di động FPT thuộc thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thì L cho T số tiền 3.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng còn lại L sẽ chuyển khoản sau, T đồng ý và xuống xe đi về.

Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 13/8/2022, H chở L, L và T về đến quán P thuộc khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do Lê Việt K làm chủ. Lợi nói cho K và Huỳnh Tuyền P là đầu bếp của K biết việc L bắt T về do T nợ tiền L. L mượn điện thoại di động của K cho T mượn để gọi điện thoại cho người nhà mang tiền đến trả cho L. Sau đó, L nhờ P trông giữ T giùm, không cho T bỏ trốn để chờ người nhà của T mang tiền đến trả, L sẽ trả tiền cà phê và chi phí ăn uống của T cho P thì P đồng ý. P dẫn T về ở tại kiốt thuộc khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cùng với P, còn L thì ở nơi khác gần đó. Vào ban đêm khi đi ngủ thì P khóa cửa nhằm không cho T bỏ trốn, vào ban ngày khi P qua quán P để đi làm thì P sẽ dẫn T theo để trông giữ. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 14/8/2022, L gặp T để hỏi người nhà mang tiền đến chưa thì T trả lời là chưa thì L nói cần tiền, nếu T không có tiền trả thì sẽ tiếp tục giữ T để chờ người nhà mang tiền đến trả. Lúc này, T mượn K số tiền 27.000.000 đồng để trả cho L, K và L thỏa thuận nếu T không có tiền trả cho K thì L sẽ trả lại cho K 27.000.000 đồng, L đồng ý. Khi có tiền thì L bỏ đi, còn T ở lại quán P làm đến khi người nhà mang tiền đến trả.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, số Imei: 357723102035256, Imei 2: 357723102035264 của bị cáo L sử dụng liên lạc với bị cáo T để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30S màu xanh, số Imei: 354258110510258, Imei 2: 354259110510256 của bị cáo L không liên quan đến vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số Imei: 353814085277595 của bị cáo L không liên quan đến vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme, số Imei 1: 862949053271032, Imei 2: 862949053271024 bị cáo T sử dụng liên lạc với bị cáo L để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đỏ, số Imei 355149116767266, Imei 2: 355149116767274 của Lý Hoài T không liên quan đến vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 353159116469666 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei: 35654310796786 là tài sản của Lê Việt K không liên quan đến vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng Gold, số Imei: 3356171099411752, Imei 2: 356171099138157 của Nguyễn Hoài H không liên quan đến vụ án nên trả lại cho H.

- 01 nón kết màu trắng hiệu Nike, bị cáo L sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 nón kết bằng vải màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu vàng đen; 01 quần tây bằng vải màu trắng; 04 chiếc dép nhựa màu đen.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 3.000.000 đồng là tiền bị cáo L trả công cho bị cáo T về việc bắt T.

Đối với 01 xe ô tô biển số 69A-029.69 hiệu Toyota Fortuner do bà Đỗ Mộng T đứng tên chủ sở hữu. Bà T không biết L thuê xe để thực hiện hành vi phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho bà T.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS.CC ngày 22/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Phạm Thành L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Trương Thanh L và Nguyễn Chí T về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Huỳnh Tuyên P về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố luận tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ. Các bị cáo có hành vi bắt, giữ người trái pháp luật đối với Lý Hoài T. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thành L phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; bị cáo Trương Thanh L và Nguyễn Chí T về tội “Bắt người trái pháp

luật” và bị cáo Huỳnh Tuyền P về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo Phạm Thành L, Nguyễn Chí T và Huỳnh Tuyền P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Trương Thanh L tái phạm nguy hiểm; bị hại bãi nại cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thành L mức án từ 09 đến 15 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật” và từ 03 đến 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thành L từ 12 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Thanh L mức án 12 đến 18 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T mức án từ 09 đến 15 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Tuyền P mức án 03 đến 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử khoan hồng xử mức án nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại đã được Tòa án thông báo thời gian, địa điểm xét xử vụ án nhưng có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp các chứng cứ có tại hồ sơ. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/8/2022 các bị cáo Phạm Thành L, Trương Thanh L và Nguyễn Chí T có hành vi khống chế đưa Lý Hoài T lên xe ô tô biển số 69A-029.69 về quán P thuộc khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để người nhà của Lý Hoài T đem tiền về chuộc. Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thành L, Trương Thanh L và Nguyễn Chí T phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Thành L và bị cáo Huỳnh Tuyền P thỏa thuận nhờ bị cáo P trông giữ Lý Hoài T và bị cáo L hứa trả tiền cho bị cáo P. Bị cáo P dẫn Lý Hoài T về ở tại kiốt thuộc khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cùng với bị cáo, vào ban đêm khi đi ngủ thì bị cáo P khóa cửa nhằm không cho Lý Hoài T bỏ trốn, vào ban ngày khi bị cáo P qua P để đi làm thì bị cáo P sẽ dẫn Lý Hoài T theo để trông giữ. Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thành L và Huỳnh Tuyền P phạm tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ tham gia, vai trò của các bị cáo:* Sự việc xảy ra xuất phát từ việc Lý Hoài T vay tiền của bị cáo Phạm Thành L, Lý Hoài T không trả nợ mà bỏ trốn. Bị cáo Phạm Thành L có vai trò chủ mưu, bị cáo Trương Thanh L và bị cáo Nguyễn Chí T là đồng phạm giúp sức với bị cáo Lợi về việc bắt Lý Hoài T; bị cáo L thỏa thuận với bị cáo Huỳnh Tuyền P trông giữ Lý Hoài T và hứa sẽ trả tiền cho bị cáo P, hành vi của bị cáo Huỳnh Tuyền P là đồng phạm giản đơn không có tổ chức hay phân công nhiệm vụ về việc giúp bị cáo Phạm Thành L trông giữ T. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, không những xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người mà còn gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình, cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo Phạm Thành L có vai trò chủ mưu, bị cáo Trương Thanh L phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị cáo L và bị cáo L phải chịu mức án cao hơn so với các bị cáo khác là phù hợp.

Về phần dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường và xin bãi nại cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Phạm Thành L:

Tiền án, tiền sự: Không.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị hại bãi nại cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trương Thanh L:

Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 2009, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đến ngày 28/02/2013 chấp hành xong; ngày 08/10/2014 Tòa án nhân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án số 108/2014/HSST, ngày 26/12/2021 chấp hành án xong, chưa được xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Lần phạm tội này của bị cáo L thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại bãi nại cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí T:

Tiền án, tiền sự: Không.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị hại bãi nại cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Huỳnh Tuyên P:

Tiền án, tiền sự: Không.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị hại bãi nại cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Huỳnh Tuyên P có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo chưa thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân, việc không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên không thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo là có cơ sở.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, số Imei 1: 35772310203 5256, Imei 2: 357723102035264 đây là tài sản của bị cáo L sử dụng liên lạc với bị cáo T để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30S màu xanh, số Imei 1: 354258110510258, Imei 2: 354259110510256 không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L.

- 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số Imei: 353814085277595 không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme, số Imei 1: 862949053271032, Imei 2: 862949053271024 bị cáo T sử dụng liên lạc với bị cáo L để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ, số Imei 1: 355149116767266, Imei 2: 355149116767274 đây là tài sản của Lý Hoài T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho T.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 353159116469666 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei: 35654310796786 là tài sản của Lê Việt K không liên quan đến vụ án nên trả lại cho K.

- 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng Gold, số Imei 1: 3561710994117 52, Imei 2: 356171099138157 là tài sản của Nguyễn Hoài H không liên quan đến vụ án nên trả lại cho H.

- 01 nón kết màu trắng hiệu Nike, bị cáo L sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 nón kết bằng vải màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu vàng đen; 01 quần tây bằng vải màu trắng; 04 chiếc dép nhựa màu đen, các tài sản này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 3.000.000 đồng là tiền bị cáo L trả công cho bị cáo T để bắt T, đây là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe ô tô biển số 69A-029.69 hiệu Toyota Fotuner do bà Đỗ Mộng T đứng tên chủ sở hữu. Bà T không biết bị cáo L thuê xe để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho bà T, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

[6] Đối với Nguyễn Hoài H là tài xế chạy chiếc xe bị cáo L thuê không biết, không bàn bạc và cũng không quen biết với bị cáo L. Lúc các bị cáo bắt T lên xe, T không chống cự nên H không biết việc các bị cáo bắt T, Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về hành vi bắt người trái pháp luật, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

[7] Đối với Lê Văn K không biết, không bàn bạc với bị cáo L và bị cáo P về việc giữ T nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K về hành vi giữ người trái pháp luật, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội căn buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành L phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Tuyên bố bị cáo Trương Thanh L (tên gọi khác: Lâm C) và bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tuyền P phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trương Thanh L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tuyền P 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Tuyền P cho Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 nón kết màu trắng hiệu Nike; 01 nón kết bằng vải màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu vàng đen; 01 quần tây bằng vải màu trắng; 04 chiếc dép nhựa màu đen.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, số Imei 1: 357723102035256, Imei 2: 357723102035264.

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme, số Imei 1: 862949053271032, Imei 2: 862949053271024.

+ Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 3.000.000 (Ba triệu đồng).

- Trả cho bị cáo Phạm Thành L 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30S màu xanh, số Imei 1: 354258110510258, Imei 2: 354259110510256.

- Trả cho bị cáo Trương Thanh L 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số Imei: 353814085277595.

- Trả cho Lý Hoài T 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đỏ, số Imei 1: 355149116767266, Imei 2: 355149116767274.

- Trả cho ông Lê Việt K 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 353159116469666 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei: 35654310796786.

- Trả cho ông Nguyễn Hoài H 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng Gold, số Imei 1: 3561710994117 52, Imei 2: 356171099138157.

Các vật chứng trên được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 214/PNK ngày 23/11/2022 và Lệnh nhập kho vật chứng số 38/LNK- CSĐT – CSHS ngày 23/11/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Phạm Thành L, Trương Thanh L, Nguyễn Chí T và Huỳnh Tuyền P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Huỳnh Tuyền P)

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà

